TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/DS-PT
Ngày 13/12/2023
V/v:tranh chấp quyền thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc
-Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2023/TLPT- DS, ngày 06 tháng 11 năm 2023,về "*Tranh chấp quyền thừa kế "*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:123/2023/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2023/QĐ - PT, ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nhựt Tr, sinh năm 1973. Địa chỉ:, Lê Văn T1, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Hồ N, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Long Thuận B, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023) (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1952 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1955 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Bình T3, xã Bình P1, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm H2, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị A1 và bà Nguyễn Thị Th1 là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2022) (có mặt).

-Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bà Nguyễn Trương U, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm Tân V, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Bà Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật ông Lê Hồng Th2, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Phạm H3, phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có văn bản xin vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn H là bị đơn và bà Nguyễn Trương U, Nguyễn Ngọc H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/8/2022 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nhựt Tr trình bày:

Cha mẹ của ông Nguyễn Văn T là cụ ông Nguyễn Văn T3 (chết 1998) và cụ bà Nguyễn Thị Ng (chết 2018), hai cụ có tất cả 07 người con gồm:

Ông Nguyễn Văn H3 chết năm 2015 (ông H3 có vợ là bà Nguyễn Thị H4 chết năm 2001, có 04 người con gồm: Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trương U), Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn T. Cụ T3 và cụ Ng không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ cụ T3, cụ Ng đều đã chết trước hai cụ. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 và cụ Ng được xác định gồm những người con của hai cụ như đã nêu trên.

Cụ T3 và cụ Ng tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 602,7m^2, thửa 86, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, cụ T3 kê khai chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Cụ T3 chết không để lại di chúc, sau khi cụ T3 chết ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, đến năm 2018 cụ Ng chết ông T vẫn tiếp tục

quản lý. Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường Võ Văn K. Thực hiện dự án đã thu hồi diện tích 513,4m^2 thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, diện tích còn lại 89,3m^2. Theo quyết định thu hồi diện tích 513,4m^2 được bồi thường với số tiền là 602.269.540 đồng hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long đang tạm giữ chờ Tòa án giải quyết xong sẽ chi trả.

Do các con của ông Nguyễn Văn H3 phát sinh tranh chấp đối với thửa đất nêu trên nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T2 theo quy định của pháp luật đối với thửa 86, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

Di sản thừa kế là 513,4m^2 đất bị thu hồi được áp giá đền bù với số tiền 602.269.540 đồng, chia làm 07 kỷ phần bằng nhau, trong đó các con của ông H3 (H, H1, H2 và U) nhận 01 kỷ phần bằng 86.038.500 đồng, còn lại sáu anh chị em, mỗi người nhận một phần bằng 86.038.500 đồng.

Phần di sản sau khi giải tỏa thu hồi còn lại diện tích 89,3m^2 chia thành bảy kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 12,75m^2 . Do ông T đang quản phần đất này nên yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất 89,3m^2 và hoàn trả giá trị cho mỗi kỷ phần là 14.957.025 đồng (làm tròn 15.000.000 đồng), trong đó các con của ông H3 (gồm: H, H1, H2 và U) nhận một kỷ phần là 15.000.000đ, còn lại năm kỷ phần ông T sẽ hoàn giá trị cho mỗi người nhận một kỷ phần với số tiền là 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện và tường trình ngày 26/7/2022 yêu cầu Toà án xác định phần đất tranh chấp là quyền sử dụng đất diện tích 602,7m^2 , thửa 86 (trước đây là thửa 41 theo chương trình đất 60/CP), tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H3 chết năm 2015, ông H3 có vợ là bà Nguyễn Thị H4 (chết năm 2001), có 04 người con gồm: Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trương U.

Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường Võ Văn K, đã thu hồi diện tích 513,4m^2 thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, diện tích còn lại 89,3m^2 hiện ông T đang quản lý. Số tiền giải toả thu hồi và đền bù 602.269.540 đồng hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long đang tạm giữ. Đề nghị Toà án công nhận số tiền 602.269.540 đồng và phần đất 89,3m^2 ông T đang quản lý cho các chị em của bị đơn gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Trương U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các đương sự ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Văn Th không có yêu cầu độc lập trong vụ

án, cùng ý kiến với phía nguyên đơn, chia di sản của cụ T3 và cụ Ng cho hàng thừa kế của hai cụ.

Ông Nguyễn Văn H1 không có yêu cầu độc lập, cùng ý kiến với phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Bà Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Trương U có đơn tường trình ngày 26/7/2022 cùng ý kiến với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Chia cho các ông bà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn T mỗi người được nhận số tiền chia di sản thừa kế là 86.038.500 đồng (Tám mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm đồng). Chia cho Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trương U mỗi người được nhận số tiền chia di sản thừa kế 21.509.625 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng). Các đương sự liên hệ Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long để nhận số tiền nêu trên.

Công nhận quyền sử dụng diện tích đất 89,3m^2 thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long cho ông Nguyễn Văn T (*vị trí hình thể theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long đo vẽ ngày 10/02/2023*). Ông T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đất đai đăng ký cấp quyền sử dụng phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị theo kỷ phần hưởng thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3, cụ thể: hoàn giá trị cho các ông bà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Th mỗi người số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trương U mỗi người được nhận số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trương U, bà Nguyễn Ngọc H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xác định diện tích 602,7m^2, thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H3. Đồng thời chia thừa kế quyền sử dụng đất để ông H được nhận phần đất 89,3m^2 thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26 nêu trên và ông H giao giá trị lại cho các đồng thừa kế của ông H3. Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần tiền bồi thường làm đường Võ Văn K đã thu hồi diện tích 513,4m^2 và nhà nước đã tiến hành bồi thường số tiền 602.296.540 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Hồ N là người đại diện của ông H, bà H2 và bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đặt ra trường hợp, nếu các bên thỏa thuận được thì bị đơn ông H đồng ý xác định phần đất tranh chấp là di sản của cụ Nguyễn Văn T3 để lại và ông H yêu cầu được nhận phần đất còn lại diện tích 89,3m^2 thuộc thửa 86, ông H đồng ý hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế của cụ T3. Nếu không thỏa thuận được thì vẫn yêu cầu xác định phần đất tranh chấp là di sản của ông Nguyễn Văn H3 để lại.

Bà Nguyễn Thị Nhựt Tr là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của ông H, bà H2 và bà U, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th không đồng ý kháng cáo của ông H, bà H2 và bà U, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H1 xác định phần đất tranh chấp là của cụ T3 để lại và anh đồng ý với bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì khác.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Trương U và bà Nguyễn Ngọc H2;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông H, bà H2 và bà U mỗi người phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 15/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 26/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trương U, bà Nguyễn Ngọc H2 kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Trương U và bà Nguyễn Ngọc H2, xét thấy:

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 41 (nay là thửa 86), diện tích 602,6m^2, loại đất LUC, tờ bản đồ số 26, tọa lạc khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn T3. Theo công văn số 3212/VPĐKĐĐ –TTLT ngày 11/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thông tin: theo tư liệu 60/CP ngày 18/11/1997 ghi nhận thửa đất số 41,tờ bản đồ số 21, diện tích 548,7 m^2, loại đất LUC do ông Nguyễn Văn H3 kê khai trong sổ mục kê. Theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy (Vlap) thửa 41 ghi nhận thành thửa 86, tờ bản đồ số 26 , diện tích 602,2 m^2, loại đất LUC do ông Nguyễn Văn T kê khai. Thửa đất này qua các thời kỳ kê khai tên khác nhau, ông H3 và ông T đều là con của cụ T3 kê khai, nhưng không được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Ông H3 có kê khai sổ mục kê của chương trình đất, chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được nhà nước công nhận trong sổ bộ địa chính nên không có căn cứ xác định thửa 86 (thửa cũ 41) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H3. Các con của ông H3 cho rằng cụ T3 cho ông H3 đất từ trước năm 1980, sau khi rã tập đoàn 13 giao trả lại cho ông H3, nhưng các đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cụ T3 cho ông H3, không chứng minh được tập đoàn 13 trả đất cho ông H3.

Khi cụ T3 còn sống, các đương sự đều thừa nhận cụ T3 canh tác, trồng cây lâu năm trên đất, sau khi cụ T3 chết ông T là người chung sống với cụ T3 tiếp tục quản lý, sử dụng và có trồng một số cây lâu năm, không có ai đứng ra tranh chấp, đến khi Nhà nước giải tỏa bồi thường để làm đường Võ Văn K thì các con ông H3 phát sinh tranh chấp với ông T. Ngày 12/02/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long tiến hành kiểm đếm về tài sản trên đất để bồi thường cho ông Nguyễn Văn T, cụ thể là bồi thường về cây trồng. Riêng về đất Ủy ban nhân dân phường Trường A đã tiến hành xác minh, ngày 11/02/2022 xét duyệt thông qua hội đồng thống nhất công nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn T3 do cụ T3 đã chết nên công nhận cho hàng thừa kế của cụ T3. Ngày 22/02/2022 UBND phường Trường A có tờ trình số 35/TTr –UBND gửi Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Vĩnh Long đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn T3 (đã chết). Ngày 14/4/2022 Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long ban hành quyết định số 1409/UBND-NC công nhận quyền sử dụng đất cho những người thừa kế hợp pháp của cụ Nguyễn Văn T3 đối với thửa số 86, tờ bản đồ 26, diện tích 602,2m^2, loại đất LUC, thời hạn sử dụng 50 năm để làm cơ sở thực hiện thu hồi đất và bồi thường dự án công trình đường Võ Văn K đoạn qua phường Trường A, thành phố Vĩnh Long, đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phần còn lại sau khi giải tỏa đường Võ Văn K. Tại Điều 4 Luật đất đai năm 2013 quy định: đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của luật đất đai. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai đã công nhận quyền sử dụng đất cho cụ T3, nhưng do cụ T3 đã chết nên công nhận quyền sử dụng đất thuộc hàng thừa kế hợp pháp của cụ Nguyễn Văn T3. Cụ

T3 chết không để lại di chúc, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 86 nêu trên là di sản của cụ Nguyễn Văn T3 là đúng quy định của pháp luật và phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm có bảy người: ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H3 (*ông H3 chết năm 2015 có bốn người con Nguyễn Ngọc H2; Nguyễn Văn H1; Nguyễn Văn H và Nguyễn Trương U)* là người thừa kế thế vị của ông H3, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể chia số tiền 602.269.540 đồng bồi thường và chia 89,3m^2 đất còn lại cho bảy kỷ phần như sau:

[2] Về số tiền 602.269.540 đồng hiện Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long đang quản lý: chia thừa kế cho bảy kỷ phần bằng nhau là 86.038.500 đồng/kỷ phần. Vì vậy các ông, bà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị A1, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn T mỗi người được hưởng số tiền 86.038.500 đồng; các con của ông H3 mỗi người được hưởng số tiền 21.509.625 đồng.

[3] Đối với diện tích đất 89,3m^2 còn lại thuộc thửa 86 được chia thừa kế bảy kỷ phần =12,75m^2 x 1.173.100 đồng/m^2= 15.000.000 đồng/kỷ phần. Do ông T là người quản lý sử dụng thửa 86 từ khi cụ T3 chết đến nay và cũng là người thờ cúng cụ T3. Do đó án sơ thẩm giao cho ông T tiếp tục sử dụng phần đất còn lại có diện tích 89,3m^2 thuộc thửa 86 và buộc ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị theo kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Đối với ông Nguyễn Văn H3 đã chết nên các con của ông H3 gồm H, H1, U được hưởng phần của ông H là 15.000.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Ngọc H2 và bà Nguyễn Trương U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Xét quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Ngọc H2 và bà Nguyễn Trương U mỗi người phải chịu 300.000đ.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Ngọc H2 và bà Nguyễn Trương U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 609, 612, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn;

1.Chia cho ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn T mỗi người được nhận số tiền 86.038.500 đồng (Tám mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm đồng). Chia cho bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trương U mỗi người được nhận số tiền 21.509.625 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Các đương sự liên hệ Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Vĩnh Long để nhận số tiền được chia nêu trên.

2.Công nhận cho ông Nguyễn Văn T quyền sử dụng đất diện tích 89,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm Tân Quới Đ, phường Trường A, thành phố Vĩnh Long (*Vị trí hình thể theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long đo vẽ ngày 10/02/2023*).

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh bà Nguyễn Thị A1, bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Văn Th mỗi người số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trương U mỗi người số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn Nh và bà Nguyễn Thị A1 do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị

miễn án phí.

Buộc bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Văn Th mỗi người nộp 5.052.000 đồng (Năm triệu, không trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn T nộp 5.052.000 đồng (Năm triệu, không trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.525.000 đồng theo biên lai số 0001501 ngày 22/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Buộc ông Nguyễn Văn T tiếp tục nộp số tiền 2.527.000 đồng (Hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn H1 nộp 1.263.000 đồng (Một triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trương U mỗi người nộp 1.263.000 đồng (Một triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp của ông H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001513 của bà U 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001512 và bà H2 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001511 cùng ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Buộc bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trương U mỗi người phải tiếp tục nộp số tiền 963.000 đồng (Chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

5.Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trương U mỗi người nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo các biên lai số 0002435; 0002436 và 0002437 cùng ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông H, bà H2, bà U đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND Tp Vĩnh Long;
-CCTHADS Tp Vĩnh Long;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Đặng Thị Ánh Bình